TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN YÊN MÔ - TỈNH NINH BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2019/HS-ST
Ngày 17 tháng 10 năm 2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN MÔ, TỈNH NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Diệu Oanh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Văn Toan

Ông Phạm Xuân Mười

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa: Ông Lê Thanh Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 26/2019/TLST-HS ngày 06 tháng 09 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2019/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 10 năm 2019 đối với bị cáo:

Họ và tên: Phạm Mạnh T, sinh năm 1990 tại Yên Mô, Ninh Bình. Nơi cư trú: Xóm 1, Tây Sơn, xã Y, huyện Y, tỉnh Ninh Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Mạnh T và bà Phạm Thị H, có vợ là Nguyễn Thị H1 và 01 con sinh năm 2014; tiền án: 03: Bản án số 07/HSST ngày 25/5/2010 của Tòa án nhân dân huyện Yên Mô xử phạt 24 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản". Ngày 12/8/2010 T chấp hành xong án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự sơ thẩm, ngày 06/09/2012 chấp hành xong hình phạt tù, số tiền bồi thường thiệt hại 17.890.000 đồng chưa thi hành. Bản án số 45/HSST ngày 25/11/2014 của Tòa án nhân dân huyện Yên Mô xử phạt 18 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản"; Ngày 25/11/2014 chấp hành xong án phí hình sự sơ thẩm, ngày 23/9/2015 chấp hành xong án phí dân sự sơ thẩm, ngày 6/3/2016 chấp hành xong hình phạt tù, số tiền bồi thường thiệt hại 8.630.000 đồng chưa thi hành. Bản án số 13/HSST ngày 29/7/2016 của Tòa án nhân dân huyện Yên Mô xử phạt 36 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản"; Ngày 14/3/2019 chấp hành xong hình phạt tù, chưa chấp hành án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự sơ thẩm và số tiền bồi thường thiệt hại 5.300.000 đồng; tiền sự: 03: Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 28 ngày 25/7/2009 của Công an huyện Yên Mô xử phạt 200.000 đồng về hành vi "Sử dụng trái phép chất ma túy". Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 19 ngày

11/9/2009 của Công an xã Yên Mạc xử phạt 200.000 đồng về hành vi "Sử dụng trái phép chất ma túy". Ngày 10/7/2019 Công an huyện Yên Mô ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 120 với mức tiền phạt 2.000.000 đồng; Lịch sử bản thân: Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 05 ngày 22/02/2009 của Công an xã Yên Mạc xử phạt 200.000 đồng về hành vi "Trộm cắp tài sản", chấp hành ngày 22/02/2009. Ngày 18/9/2009 Ủy ban nhân dân huyện Yên Mô, Ninh Bình ra quyết định số 825 đưa đối tượng vào cơ sở chữa bệnh bắt buộc, thời hạn 24 tháng, ngày 1/9/2010 được miễn chấp hành thời gian bắt buộc chữa bệnh; bị bắt tạm giam từ ngày 24 tháng 06 năm 2019, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Ninh Bình "Có mặt".

- *Bị hại*: Bà Đới Thị T1, sinh năm 1931, trú tại: Xóm 1, Tây Sơn, xã Y, huyện Y, tỉnh Ninh Bình "Vắng mặt".

Anh Bùi Đức T2, sinh năm 1995, địa chỉ: thôn 83, xã Yên Thành, huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình "Có mặt"

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:* Anh Nguyễn Xuân S, sinh năm 1976, trú tại: Xóm 5, xã Q, huyện K, tỉnh Ninh Bình "Vắng mặt".

- *Người làm chứng*: ông Phạm Mạnh T3, sinh năm: 1965 "Có mặt"

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phạm Mạnh T đã 03 lần bị kết án về tội xâm phạm sở hữu, đã tái phạm nguy hiểm, chưa được xóa án tích. Do cần tiền tiêu sài, trong hai ngày 10 và ngày 23/06/2019 T đã cố ý thực hiện các hành vi trộm cắp tài sản, cụ thể:

Ngày 10/06/2019: Khoảng 8 giờ 30 phút, T đi từ nhà bố đẻ là ông Phạm Mạnh T3, sinh năm 1965, trú tại xóm 1, Tây Sơn, xã Y, huyện Y, tỉnh Ninh Bình sang nhà bà Đới Thị T1, sinh năm 1931 là bà nội của T, nhà bà T1 bên cạnh nhà ông T3, hai nhà cùng chung một sân. Lúc đó bà T1 đang ở nhà, T lên giường của bà T1 nằm. Khi thấy bà T1 xuống bếp nấu cơm, T đã lợi dụng sơ hở của bà T1 tìm tài sản để lấy trộm và phát hiện trong gầm giường kê tại phòng ngủ của bà T1 có 01 chiếc chậu nhựa, T cúi đầu xuống dùng tay kéo chiếc chậu nhựa ra ngoài, thấy bên trong chiếc chậu nhựa có 01 chiếc chậu băng kim loại mầu trắng, trong chậu có đựng nhiều đồ đạc cá nhân. T lục tìm thì thấy trong chiếc chậu kim loại có 01 chiếc phong bì có ghi chữ "Cô Đới Thị T1 kính viếng" mực mầu xanh. T cầm phong bì dơ lên kiểm tra thì thấy phong bì không dán kín mép, kiểm tra trong phong bì thấy có số tiền 1.600.000 đồng. T lấy số tiền bỏ vào ví giả da mầu đen, cất ví vào túi quần. Sau đó, T để chiếc phong bì vào trong chậu và đẩy chiếc chậu vào gầm giường của bà T1 như ban đầu.

Khoảng 10 giờ cùng ngày, sau khi thực hiện hành vi trộm cắp tại nhà bà T1, T đi bộ đến nhà ông Phạm Văn L, sinh năm 1968 ở xóm 1, Tây Sơn, xã Y, huyện Y mượn chiếc xe đạp mini mầu đỏ với mục đích đến nhờ ông Nh ở xóm 3, Đông Sơn,

xã Y chở xe ôm lên thành phố Ninh Bình chơi. Khi đi đến nhà ông Nh, T thấy cửa ngõ mở nên đạp xe thẳng vào trong sân, bên trong sân không có ai, T phát hiện thấy 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Wave S mầu đỏ biển kiểm soát 30M4-0882 dựng trong sân. T dựng xe đạp gần với chiếc xe máy, dùng tay phải luồn vào trong cốp xe để lấy đồ vật bên trong, T lấy được 01 túi đựng kính giả da mầu đen, bên trên có in chữ "Cửa hàng kính thuốc Đức Nam" bên trong có 01 chiếc kính làm bằng nhựa dài 14cm, mắt kính mầu trắng, gọng kính mầu nâu; 01 sổ tay kích thước 4x3cm mầu đen thì bị chị Phạm Thị T5, sinh năm 1982 là con dâu ông Nh phát hiện, hô hoán mọi người bắt giữ và báo tin cho lực lượng công an xã Y. Quá trình làm việc, Công an xã Y đã thu giữ: 01 chiếc xe đạp mini mầu đỏ cũ; 01 ví da mầu nâu đen đã cũ bên trong có số tiền 1.600.000 đồng; 01 túi đựng kính giả da mầu đen bên trên có in chữ "Cửa hàng kính thuốc Đức Nam"; 01 chiếc kính làm bằng nhựa dài 14 cm, mắt kính mầu trắng, gọng kính mầu nâu; 01 sổ tay kích thước 4x3cm mầu đen, bên trong sổ ghi nhiều số điện thoại. Quá trình điều tra, ông Nh xác định tài sản 01 túi đựng kính giả da mầu đen bên trên có in chữ "Cửa hàng kính thuốc Đức Nam"; 01 chiếc kính làm bằng nhựa dài 14 cm, mắt kính mầu trắng, gọng kính mầu nâu; 01 sổ tay kích thước 4x3cm mầu đen có giá trị thấp nên không đề nghị định giá.

Ngày 23/6/2019: Khoảng 15 giờ, T điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave S biển kiểm soát 30L3-7284 đến gia đình chị Bùi Thị M, sinh năm 1990 ở thôn 83, xã YT, huyện Y là bạn học cũ với mục đích trộm cắp tài sản. Đến nơi, T dựng xe mô tô ở cổng vào hỏi thăm thì gặp em trai chị M là anh Bùi Đức T2, sinh năm 1995 ở nhà, T giới thiệu tên là T, nhà ở thị trấn Yên Thịnh, bạn học phổ thông của chị M rồi vào nhà uống nước với anh T2. Lợi dụng sơ hở của anh T2, T lẻn vào buồng ngủ tìm tài sản để trộm cắp, T phát hiện trên chiếc giường kê tại phòng ngủ có 01 chiếc điện thoại di động Nokia 6.1 Plus bên trong có lắp 01 sim số thuê bao 0889114165 đang cắm sạc pin, T tiến đến dùng tay phải cầm điện thoại rút ra khỏi bộ sạc rồi bỏ vào túi quần phía sau bên phải. Sau đó T đi ra phòng khách quan sát thấy 01 chiếc tủ gỗ, cánh tủ bên trái khép hờ, T tiến đến dùng tay mở cánh tủ, phát hiện bên trong tủ có 01 chiếc ví để trên đống quần áo. T dùng tay phải lấy chiếc ví, mở ra xem thấy bên trong có số tiền 700.000 đồng gồm 01 tờ tiền ngân hàng Nhà nước Việt Nam mệnh giá 200.000 đồng và 01 tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng. T lấy toàn bộ số tiền bỏ vào túi quần bên phải phía trước đang mặc, để chiếc ví lại vị trí cũ rồi đóng tủ lại như ban đầu. Sau đó, T đi ra cổng, điều khiển xe đi xuống huyện K tìm nơi bán điện thoại. Trên đường đi, T tháo sim lắp trong điện thoại vứt đi, T lấy điện thoại mở thử mật khẩu, ngẫu nhiên T mở được mật khẩu điện thoại là hình chữ Z. T điều khiển xe mô tô đến khu vực xóm 5, xã Q, huyện K vào cửa hàng mua bán điện thoại di động Xuân Sinh của anh Nguyễn Xuân S, sinh năm 1976 trú tại xóm 4, xã N, huyện K, T bán chiếc điện thoại trộm cắp được cho anh S lấy số tiền 1.800.000 đồng. Số tiền bán điện thoại T đã tiêu sài hết 800.000 đồng, còn lại 1.700.000 đồng T cầm đem về nhà kẹp vào trong cuốn sổ hộ khẩu mang tên Phạm Mạnh T và để ở phòng của bà nội là Đới Thị T1.

Ngày 10/06/2019 và ngày 24/06/2019 bà Đới Thị T1 và anh Bùi Đức T đã có đơn trình báo về việc mất trộm đến Cơ quan công an. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Yên Mô đã tiến hành làm việc với Phạm Mạnh T, T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội nêu trên.

Quá trình điều tra, Công an xã Yên Mạc đã bàn giao số tiền 1.600.000 đồng; 01 xe đạp mini đỏ, cũ; 01 ví giả da mầu đen; 01 túi đựng kính giả da mầu đen, bên trên có in chữ "Cửa hàng kính thuốc Đức Nam"; 01 chiếc kính làm bằng nhựa dài 14 cm, mắt kính mầu trắng, gọng kính mầu nâu; 01 sổ tay kích thước 4x3cm mầu đen cho Cơ quan điều tra Công an huyện Yên Mô.

Cơ quan cảnh sát điều tra đã thu giữ của bà Đới Thị T1 01 phong bì giấy cũ kích thước (18x11)cm có một đầu không dán kín, trên phong bì có ghi dòng chữ "Cô Đới Thị T1 kính viếng" bằng mực mầu xanh. Anh Nguyễn Xuân S giao nộp 01 chiếc điện thoại di dộng nhãn hiệu Nokia 6.1 Plus số Imei 356926091044780; anh Bùi Đức T giao nộp 01 ví giả da mầu đen, 01 biên nhận thanh toán mua điện thoại; ông Phạm Mạnh T giao nộp 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave S biển kiểm soát 30L3-7284 và tổng số tiền 1.700.000 đồng.

Ngày 25/6/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Yên Mô đã ra yêu cầu số 67 trưng cầu định giá tài sản xác định giá trị của 01 chiếc điện thoại di động Nokia 6.1 Plus số Imei 356926091044780 mà Phạm Mạnh T đã trộm cắp của anh Bùi Đức T. Tại bản Kết luận định giá tài sản số 08 ngày 25/6/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng huyện Yên Mô kết luận giá trị thực tế của 01 chiếc điện thoại di động Nokia 6.1 Plus số Imei 356926091044780 tại thời điểm ngày 23/6/2019 có trị giá là 4.041.000 đồng.

Vật chứng của vụ án:

Quá trình điều tra xác định vật chứng gồm số tiền 1.600.000 đồng là tài sản của bà Đới Thị T1, 01 điện thoại di động Nokia 6.1 Plus số Imei 356926091044780 và số tiền 700.000 đồng, 01 ví giả da mầu đen là tài sản của anh Bùi Đức T; số tiền 1.000.000 đồng là tài sản của anh Nguyễn Xuân S; Cơ quan điều tra đã trả lại cho bà T1, anh T2, anh S những vật chứng nêu trên.

Số vật chứng gồm: 01 xe đạp mini mầu đỏ là tài sản của ông Phạm Văn Lành, 01 túi đựng kính giả da mầu đen bên trên có in chữ "Cửa hàng kính thuốc Đức Nam"; 01 chiếc kính làm bằng nhựa dài 14cm, mắt kính mầu trắng, gọng kính mầu nâu; 01 sổ tay kích thước 4x3cm mầu đen, bên trong sổ ghi nhiều số điện thoại là tài sản của ông Vũ Hồng Nh. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Yên Mô đã trả lại cho ông Lành và ông Nh. Ông L, ông Nh đã nhận lại đầy đủ tài sản và không có yêu cầu gì khác.

Vật chứng còn lại gồm: 01 chiếc ví giả da mầu đen là tài sản của Phạm Mạnh T sử dụng để cất giấu số tiền 1.600.000 đồng trộm cắp của bà T1. 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave S biển kiểm soát 30 L3-7284 T sử dụng làm phương tiện đi trộm cắp tài sản, T khai nhận mua của một người đàn ông không quen biết tại khu

vực đường Hoàng Quốc Việt, thành phố Hà Nội với giá 1.000.000 đồng từ khoảng tháng 4/2019, khi giao dịch mua bán không có giấy chứng nhận đăng ký xe và giấy tờ mua bán xe. Qua tra cứu xác định chiếc xe mô tô trên đăng ký tên anh Nguyễn Ngọc M1, trú tại số 17, tập thể Điện Yên Phụ, thành phố Hà Nội. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Yên Mô đã tiến hành xác minh nhưng chưa làm rõ được nguồn gốc nên đã tách vật chứng để tiếp tục điều tra, xử lý.

Vật chứng không thu giữ được: Gồm số tiền 800.000 đồng tiền bán điện thoại T đã tiêu sài hết và 01 sim điện thoại số thuê bao 0889114165 của anh Bùi Đức T lắp trong điện thoại Nokia 6.1 Plus, T đã tháo vứt trên đường đi xuống Kim Sơn.

Về trách nhiệm dân sự: Số tiền 800.000 đồng do bán điện thoại Nokia 6.1 T đã tiêu sài hết là tài sản của anh Nguyễn Xuân S, anh S yêu cầu T phải hoàn trả. Đối với 01 sim điện thoại của anh Bùi Đức T bị T vứt trên đường đi bán điện thoại, anh T2 không yêu cầu T phải bồi thường.

Tại Bản cáo trạng số 32/CT-VKS-YM ngày 05 tháng 09 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Mô đã truy tố Phạm Mạnh T về tội "Trộm cắp tài sản" theo điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo Phạm Mạnh T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố.

Người bị hại anh Bùi Đức T2 trình bày: ngày 23/6/2019 lợi dụng sơ hở của anh trong việc quản lý tài sản, bị cáo T đã lấy trộm của anh 01 điện thoại di động Nokia 6.1 Plus và số tiền 700.000đ. Các tài sản này, cơ quan công an đã trả lại cho anh, còn 01 chiếc sim điện thoại không thu hồi được anh không yêu cầu bị cáo T phải bồi thường, anh đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Người làm chứng ông Phạm Mạnh T3 trình bày: Ông không chứng kiến nội dung sự việc diễn ra ngày 10/6/2019 tại nhà bà T1, sau này Công an làm việc ông mới biết T đã trộm cắp số tiền 1.600.000đ của bà T1. Sau khi T trộm cắp tài sản tại nhà anh T2 vào ngày 23/6/2019, T có khai báo với cơ quan công an về vị trí cất giấu số tiền 1.700.000đ nên ông đã tìm mang số tiền và chiếc xe máy T sử dụng đi trộm cắp lên giao nộp cho Cơ quan công an.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Mô giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố để xét xử bị cáo Phạm Mạnh T về tội "Trộm cắp tài sản" và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự; Xử phạt bị cáo Phạm Mạnh T từ 2 năm 06 tháng tù đến 3 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam ngày 24/6/2019.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu, tiêu hủy 01 chiếc ví giả da mầu đen.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự, các Điều

584, 585, 586, 589 Bộ luật dân sự buộc bị cáo Phạm Mạnh T phải hoàn trả cho anh Nguyễn Xuân S số tiền 800.000 đồng.

Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết 326/NQ-UBTVQH về án phí, lệ phí: Buộc bị cáo T phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Lời nói sau cùng của bị cáo T: Bị cáo là người nghiện ma túy, do cần tiền tiêu sài nên đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, bị cáo biết hành vi của mình là vi phạm pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Yên Mô, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Mô, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi và quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

[2] Về hành vi của bị cáo: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo Phạm Mạnh T đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng truy tố. Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, biên bản xảy ra vụ việc, vật chứng đã thu giữ và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, đã có đủ căn cứ kết luận: Trong hai ngày 10/6/2019 và 23/6/2019, lợi dụng sơ hở trong việc quản lý tài sản, Phạm Mạnh T đã 02 lần cố ý thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của bà Đới Thị T1 và anh Bùi Đức T, cụ thể: Lần thứ nhất: Khoảng 8 giờ 30 phút ngày 10/6/2019, tại nhà bà Đới Thị T1 ở xóm 1, Tây Sơn, xã Y, huyện Y, Phạm Mạnh T đã lén lút trộm cắp số tiền 1.600.000 đồng. Lần thứ hai: Khoảng 15 giờ 30 phút ngày 23/6/2019, tại nhà anh Bùi Đức T ở thôn 83, xã Yên Thành, huyện Yên Mô, T đã lén lút trộm cắp tài sản của anh T2 bao gồm 01 điện thoại di động Nokia 6.1 Plus và số tiền 700.000 đồng. Tại bản Kết luận định giá tài sản số 08 ngày 25/6/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng huyện Yên Mô kết luận giá trị thực tế của 01 chiếc điện thoại di động Nokia 6.1 Plus số Imei 356926091044780 tại thời điểm ngày 23/6/2019 có trị giá là 4.041.000 đồng. Bị cáo Phạm Mạnh T là người có đầy đủ năng lực hành vi, đã 03 lần bị kết án về tội trộm cắp tài sản, đã tái phạm nguy hiểm, chưa được xóa án tích, bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội vào các ngày 10/6/2019 và ngày 23/6/2019 để chiếm đoạt tài sản của người khác.

Hành vi trộm cắp tài sản của Phạm Mạnh T đã phạm vào tội "Trộm cắp tài sản" thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự.

"**Điều 173. Tội trộm cắp tài sản**:

1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác giá trị từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc bị phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

....

b) Đã bị kết án về tội này hoặc về một trong các tội quy định tại các điều 168, 169, 170, 171, 172, 174, 175 và 290 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm

...

g) Tái phạm nguy hiểm

..."

Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Mô truy tố bị cáo Phạm Mạnh T về tội danh và điều luật nêu trên là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự ở địa phương, đặc biệt tình trạng các vụ án trộm cắp tài sản đang có xu hướng gia tăng trên địa bàn huyện, gây ra tâm lý hoang mang trong quần chúng nhân dân. Vì vậy việc đưa bị cáo ra truy tố, xét xử và áp dụng hình phạt nghiêm khắc đối với bị cáo là cần thiết nhằm giáo dục bị cáo và răn đe, phòng ngừa chung.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo:

- Tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo Phạm Mạnh T trong quá trình điều tra và tại phiên tòa đã thành khẩn khai báo nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

- Tình tiết tăng nặng: Bị cáo đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản 02 lần, mỗi lần đều đủ yếu tố cấu thành tội phạm nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng "Phạm tội 02 lần trở lên" quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

- Tiền án: Bị cáo có 03 tiền án: Bản án số 07/HSST ngày 25/5/2010 của Tòa án nhân dân huyện Yên Mô xử phạt 24 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản". Bản án số 45/HSST ngày 25/11/2014 của Tòa án nhân dân huyện Yên Mô xử phạt 18 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản". Bản án số 13/HSST ngày 29/7/2016 của Tòa án nhân dân

huyện Yên Mô xử phạt 36 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản".

- Tiền sự: Bị cáo có 03 tiền sự: Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 28 ngày 25/7/2009 của Công an huyện Yên Mô xử phạt 200.000 đồng về hành vi "Sử dụng trái phép chất ma túy". Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 19 ngày 11/9/2009 của Công an xã Yên Mạc xử phạt 200.000 đồng về hành vi "Sử dụng trái phép chất ma túy". Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 120 ngày 10/7/2019 Công an huyện Yên Mô xử phạt 2.000.000 đồng về hành vi "Trộm cắp tài sản".

- Lịch sử bản thân: Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 05 ngày 22/02/2009 của Công an xã Yên Mạc xử phạt 200.000 đồng về hành vi "Trộm cắp tài sản". Chấp hành ngày 22/02/2009. Ngày 18/9/2009 Ủy ban nhân dân huyện Yên Mô, Ninh Bình ra quyết định số 825 đưa đối tượng vào cơ sở chữa bệnh bắt buộc, thời hạn 24 tháng. Ngày 1/9/2010 được miễn chấp hành thời gian bắt buộc chữa bệnh.

[4] Xét tính chất mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, ảnh hưởng xấu nên an ninh trật tự tại địa phương, bị cáo đã có 03 tiền án về tội trộm cắp tài sản, mới chấp hành xong hình phạt tù ngày 14/03/2019 nhưng không lấy đó làm bài học cho bản thân để lao động trở thành người có ích cho gia đình và xã hội mà tiếp tục ham chơi, lười lao động, trong một thời gian ngắn liên tiếp thực hiện hành vi phạm tội để chiếm đoạt tài sản của người khác, lấy tiền tiêu sài cá nhân; hành vi của bị cáo thể hiện bị cáo là người khó cải tạo, có ý thức bất chấp, coi thường pháp luật, bị cáo bị áp dụng 01 tình tiết tăng nặng "phạm tội hai lần trở lên" quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự và có nhân thân xấu, do đó cần áp dụng hình phạt nghiêm khắc, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian tương xứng để giáo dục, cải tạo bị cáo. Khi lượng hình cũng cần xem xét áp dụng tình tiết giảm nhẹ "thành khẩn khai báo" cho bị cáo.

[5] Về xử lý vật chứng và áp dụng biện pháp tư pháp:

Quá trình điều tra Cơ quan điều tra đã trả lại cho người bị hại là bà Đới Thị T1 số tiền 1.600.000 đồng; anh Bùi Đức T2 01 điện thoại di động Nokia 6.1 Plus số Imei 356926091044780, 01 ví giả da mầu đen, số tiền 700.000 đồng; anh Nguyễn Xuân S số tiền 1.000.000 đồng là đúng pháp luật. Bà T1, anh T2 không có yêu cầu gì khác nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với vật chứng bao gồm: 01 ví giả da mầu đen là tài sản của Phạm Mạnh T đã cũ, không còn giá trị sử dụng, tại phiên tòa bị cáo T không yêu cầu được nhận lại, vì vậy, cần tịch thu tiêu hủy. 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave S biển kiểm soát 30L3-7284, Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh nhưng chưa làm rõ được nguồn gốc nên đã tách vật chứng để tiếp tục điều tra, xử lý là phù hợp với quy định của pháp luật. 01 phong bì giấy cũ kích thước (18x11) cm có một đầu không dán kín, trên phong bì có ghi dòng chữ "Cô Đới Thị T1 kính viếng" bằng mực mầu xanh do bà Đới Thị T1 giao nộp, 01 biên nhận thanh toán mua điện thoại do anh Bùi Đức T2

giao nộp đã được đánh số bút lục đưa vào hồ sơ vụ án làm căn cứ xử lý đối với bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Anh Nguyễn Xuân S yêu cầu T phải hoàn trả số tiền 800.000 đồng là tài sản hợp pháp của anh S, số tiền này do T phạm tội mà có và đã tiêu sài cá nhân hết do đó cần chấp nhận yêu cầu của anh S buộc T phải hoàn trả số tiền trên. Đối với 01 sim điện thoại của anh Bùi Đức T bị T vứt đi trên đường đi bán điện thoại, anh T không yêu cầu T phải bồi thường nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Đối với hành vi trộm cắp 01 túi đựng kính giả da mầu đen bên trên có in chữ "Cửa hàng kính thuốc Đức Nam"; 01 chiếc kính làm bằng nhựa dài 14 cm, mắt kính mầu trắng, gọng kính mầu nâu; 01 sổ tay kích thước 3x4 cm mầu đen của Phạm Mạnh T ngày 10/06/2019 tại nhà ông Vũ Hồng Nh trú tại xóm 3, Đông Sơn, xã Y, huyện Y. Ông Nh xác định những tài sản nêu trên có giá trị sử dụng không đáng kể và không yêu cầu định giá tài sản. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Yên Mô đã trả lại cho ông Phạm Văn L 01 xe đạp mi ni mầu đỏ, trả cho ông Vũ Hồng Nh 01 túi đựng kính giả da mầu đen, bên trên có in chữ "Cửa hàng kính thuốc Đức Nam", 01 chiếc kính làm bằng nhựa dài 14cm, mắt kính mầu trắng, gọng kính mầu nâu; 01 sổ tay kích thước 4x3cm mầu đen. Ông L, ông Nh đã nhận lại tài sản. Do hành vi của T chưa đủ yếu tố cấu thành tội phạm "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại Điều 173 Bộ luật hình sự, Công an huyện Yên Mô đã xử phạt vi phạm hành chính đối với Phạm Mạnh T là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật.

[8] Anh Nguyễn Xuân S là người mua chiếc điện thoại Nokia 6.1 Plus của Phạm Mạnh T nhưng không biết đây là tài sản do T phạm tội mà có nên hành vi của anh S không cấu thành tội phạm.

[9] Về án phí: Do bị tuyên có tội và buộc phải hoàn trả cho anh S số tiền đã tiêu sài cá nhân nên bị cáo T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

[10] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Phạm Mạnh T phạm tội "Trộm cắp tài sản"

Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; Điều 53; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Phạm Mạnh T 36 (Ba mươi sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giam 24/06/2019.

2. Xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu, tiêu hủy: 01 chiếc ví giả da mầu đen kích thước (23,5x9) cm.

Chi tiết vật chứng theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 27 tháng 8 năm 2019 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Yên Mô và Cơ quan Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Mô.

3. Trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật dân sự: Buộc Phạm Mạnh T phải hoàn trả cho anh Nguyễn Xuân S số tiền 800.000đ (Tám trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày anh Nguyễn Xuân S có đơn đề nghị thi hành án, nếu bị cáo không thi hành thì còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo lãi suất chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự.

4. Án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 23, Điều 26 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Buộc bị cáo Phạm Mạnh T phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử sơ thẩm công khai, bị cáo, người bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người bị hại và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Ninh Bình (1);
- VKSND tỉnh Ninh Bình (1);
- VKSND huyện Yên Mô (1);
- Công an huyện Yên Mô (1);
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ CA tỉnh Ninh Bình (1);
- Chi cục THA dân sự huyện Yên Mô (1);
- Trại tạm giam Công an tỉnh Ninh Bình (1);
- Bị cáo (1);
- Lưu Hồ sơ (1);
- Lưu VP (1).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
PHẠM DIỆU OANH

(Đã ký)